

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Chỉ số VN-Index kết thúc phiên giao dịch đầu tháng 10 trong biên độ hẹp với thanh khoản sụt giảm đáng kể. Cuối phiên, chỉ số đóng cửa tại mức 1,665.05 điểm, tăng 3.35 điểm (+0.20%) so với đóng cửa phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 nhóm ngành tăng điểm, đà tăng điểm được dẫn dắt bởi nhóm ngành Ô tô và Phụ tùng, Thực phẩm và đồ uống, Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, nhóm ngành Bất động sản khiến thị trường giảm điểm. Liên quan đến giao dịch của khối ngoại, các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khoảng 1,800 tỷ đồng trên cả ba sàn. Chúng tôi duy trì quan điểm giao dịch thận trọng, chỉ số VN-Index đi ngang trong thời gian tới và cần có những tín hiệu mới mang tính chất bứt phá.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.35** điểm, đóng cửa tại **1665.05** điểm. HNX-Index **+0.06** điểm, đóng cửa tại **273.22** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **STB (+1.33)**, **TCB (+1.17)**, **LPB (+1.07)**, **VNM (+1.05)**, **CTG (+0.88)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.26)**, **VHM (-1.68)**, **VPB (-0.36)**, **VJC (-0.21)**, **GMD (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,841** tỷ đồng, giảm **-32.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,528 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.22 điểm. Thị trường có **175** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **139** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1650.10** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-195.47 tỷ)**, **FPT (-163.62 tỷ)**, **MWG (-154.78 tỷ)**, **STB (-143.12 tỷ)**, **VRE (-113.01 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-125.75** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.61%**. Các mã diễn biến tích cực:
STB (+5.10%)
VNM (+3.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
TPB (+2.39%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCH (+3.39%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+3.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+3.07%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.61%	0.10%	0.20%	0.40%
1 tuần	-2.15%	-1.88%	0.46%	0.93%
1 tháng	-3.76%	-2.29%	-1.02%	0.28%
3 tháng	12.36%	17.58%	20.48%	26.29%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,665.05	273.22	109.79
% 1D	0.20%	0.02%	0.30%
GTKL (tỷ VND)	19,841	1,391	267
%1D	-32.09%	-41.37%	-56.53%
GDNN (tỷ VND)	-1650.10	-125.75	-23.35

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	84.37	VHM	-195.47
LPB	64.97	FPT	-163.62
TCH	53.85	MWG	-154.78
ANV	50.18	STB	-143.12
TCB	35.87	VRE	-113.01

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,688	0.41%	0.47%
FTSE100	9,414	0.67%	1.76%
Eurostoxx	5,528	0.18%	0.93%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	44,551	-0.85%	-2.35%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

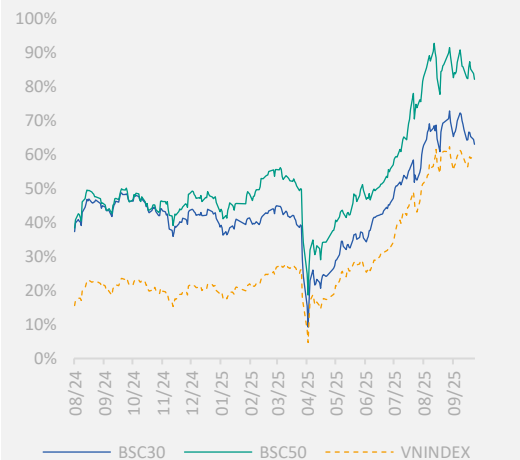
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.82	-0.32%
Giá vàng	3,893	0.10%

Tỷ giá		
USD/VND	26,446	0.00%
EUR/VND	31,800	0.08%
JPY/VND	183	0.55%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.00%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

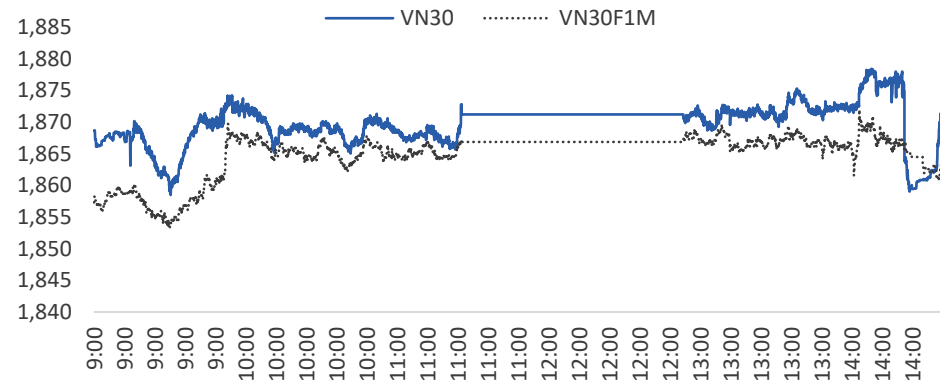
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1862.00	0.45%	393	-3.7%	20/11/2025	50
41I1FA000	1864.00	0.52%	217,602	-26.4%	16/10/2025	15
VN30F2512	1858.00	0.58%	193	-14.2%	18/12/2025	78
41I1G3000	1838.00	0.44%	41	-56.38%	19/03/2026	169

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +7.50 điểm, đóng cửa tại 1870.63 điểm. Biên độ dao động 19.95 điểm. Các cổ phiếu như STB, LPB, VNM, TCB, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,870 điểm, VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản tiếp tục nằm dưới đường MA20. Trong bối cảnh tâm lý thận trọng bao trùm thị trường, trong ngắn hạn chỉ số có thể có khả năng kiểm định lại vùng đỉnh của tuần trước, trước khi xác nhận xu hướng rõ ràng hơn.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2407	4/11/2025	34	241,500	9.75%	65.17	520	48.6%	0.12	68.15	62.10	62.10
CVNM2512	14/10/2025	13	710,600	0.47%	58.92	720	41.2%	0.70	62.39	62.10	62.10
CVNM2514	23/01/2026	114	358,700	6.15%	56.00	1,240	37.8%	0.95	65.92	62.10	62.10
CSTB2526	24/02/2026	146	24,200	8.13%	55.00	1,610	37.6%	1.48	64.66	59.80	59.80
CSTB2522	3/12/2025	63	100,600	5.96%	54.57	1,760	36.4%	1.43	63.37	59.80	59.80
CVNM2516	3/12/2025	63	271,200	10.01%	64.00	540	31.7%	0.21	68.32	62.10	62.10
CTCB2514	24/02/2026	146	372,300	12.30%	38.97	1,480	29.8%	1.15	43.29	38.55	38.55
CSTB2520	23/03/2026	173	932,400	2.64%	48.00	4,460	29.3%	4.74	61.38	59.80	59.80
CFPT2509	19/11/2025	49	23,600	36.43%	120.74	310	29.2%	0.00	127.43	93.40	93.40
CVNM2509	23/02/2026	145	589,700	19.81%	69.54	630	28.6%	0.17	74.40	62.10	62.10
CVRE2514	14/10/2025	13	1,815,500	0.27%	30.00	1,620	26.6%	1.63	33.24	33.15	33.15
CSTB2519	23/06/2026	265	187,200	7.31%	51.00	4,390	26.5%	4.50	64.17	59.80	59.80
CVIC2513	25/05/2026	236	39,000	22.12%	147.00	6,060	25.2%	3.38	207.60	170.00	170.00
CVIC2514	25/06/2026	267	17,200	23.23%	148.89	6,060	25.2%	3.38	209.49	170.00	170.00
CTCB2511	23/03/2026	173	387,100	6.57%	34.10	2,390	24.5%	2.22	41.08	38.55	38.55
CFPT2522	25/12/2025	85	37,700	41.64%	116.79	620	24.0%	0.01	132.29	93.40	93.40
CSTB2517	15/12/2025	75	412,700	1.10%	45.00	7,730	23.1%	7.70	60.46	59.80	59.80
CVRE2513	15/12/2025	75	585,300	5.76%	30.00	2,530	22.8%	2.10	35.06	33.15	33.15
CSTB2518	11/12/2025	71	250,000	0.67%	44.00	4,050	22.7%	4.08	60.20	59.80	59.80
CSTB2516	14/10/2025	13	44,200	-0.13%	43.00	8,360	22.4%	8.44	59.72	59.80	59.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2407 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 48.57%. CHPG2504 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.04%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CTPB2510, CFPT2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	59.80	5.10%	1.33	1.89
TCB	38.55	1.85%	1.17	7.09
LPB	51.00	3.03%	1.07	2.99
VNM	62.10	3.50%	1.05	2.09
CTG	51.50	1.38%	0.88	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.70	3.25%	0.19	0.68
IDC	39.10	1.56%	0.14	0.33
MBS	34.50	0.88%	0.12	0.57
NVB	14.50	0.69%	0.08	1.17
IPA	21.10	2.43%	0.08	0.21

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNI	6.42	7.00%	0.01	1.25
HID	3.56	6.91%	0.00	0.32
VMD	19.35	6.91%	0.00	0.12
FUEABVNI	10.68	6.80%	0.00	0.00
EVF	14.20	6.77%	0.17	32.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNT	32.20	9.90%	0.19	0.00
INC	26.50	9.50%	0.02	0.00
PGN	6.10	8.93%	0.02	0.15
PGT	8.90	8.54%	0.03	0.00
SDU	20.70	8.38%	0.12	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	170.00	-2.80%	-4.26	3.88
VHM	101.20	-1.75%	-1.68	4.11
VPB	30.90	-0.64%	-0.36	7.93
VJC	128.00	-1.23%	-0.21	0.59
GMD	66.50	-2.06%	-0.13	0.42

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	87.00	-1.47%	-0.26	0.30
KSV	154.60	-0.90%	-0.19	0.20
DNP	19.10	-9.05%	-0.17	0.14
PVI	69.00	-1.29%	-0.14	0.23
MVB	18.60	-5.58%	-0.07	0.11

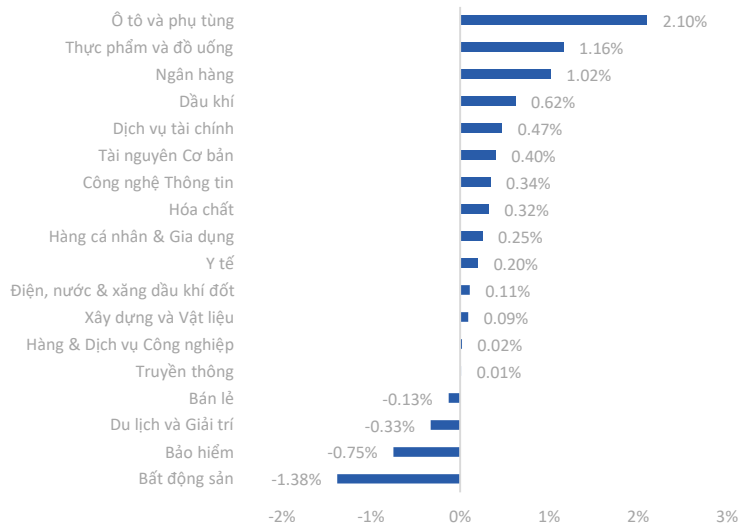
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCF	306.90	-7.00%	-0.13	0.01
COM	31.65	-6.91%	-0.01	0.00
HSL	10.15	-6.88%	-0.01	1.38
FUCVREIT	8.38	-6.79%	0.00	0.02
HAS	8.00	-6.76%	0.00	0.00

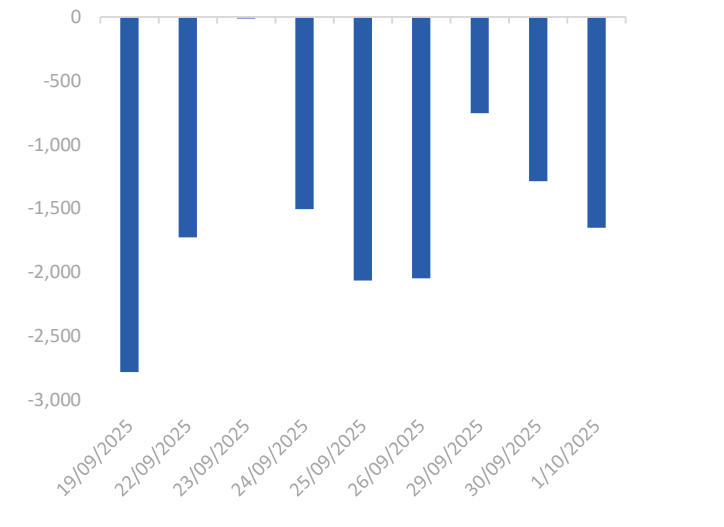
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	10.20	-9.73%	-0.04	0.17
VCM	8.40	-9.68%	-0.02	0.01
PTX	24.30	-9.67%	-0.05	0.00
KKC	6.80	-9.33%	-0.01	0.00
CAN	29.40	-9.26%	-0.05	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.7	0.0%	1.4	114,876	421.8	3,304	23.5	84,700	46.9%	Link
KBC	Bất động sản	36.4	0.7%	1.2	33,997	96.2	1,835	19.7	46,000	11.9%	Link
KDH	Bất động sản	33.7	-0.3%	1.4	37,931	101.4	716	47.2	39,900	30.5%	Link
PDR	Bất động sản	23.7	0.9%	1.7	22,977	181.0	177	132.8	28,200	9.3%	Link
VHM	Bất động sản	101.2	-1.8%	0.9	423,063	553.4	6,984	14.8	92,000	9.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.4	0.4%	0.7	158,426	692.7	5,092	18.3	118,700	36.7%	Link
BSR	Dầu khí	26.6	1.3%	0.0	81,233	56.0	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.8	0.0%	1.6	15,677	64.2	2,644	12.4	42,800	10.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.7	0.0%	1.4	28,835	133.0	1,077	24.8		36.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	38.6	0.1%	1.4	80,027	731.0	1,570	24.6		37.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	42.9	-1.4%	1.3	31,397	225.9	1,368	31.8		26.1%	
DCM	Hóa chất	36.6	-1.5%	1.4	19,667	106.4	3,186	11.7	47,300	6.6%	Link
DGC	Hóa chất	92.2	0.4%	1.4	34,864	75.2	8,175	11.2	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.8	1.2%	0.9	130,985	282.6	3,305	7.7	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.1	0.1%	1.0	280,854	90.4	3,683	10.9	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.5	1.4%	1.2	272,796	401.9	5,608	9.1	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	30.9	-0.3%	1.3	108,347	333.0	4,075	7.6	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.4	0.8%	1.2	211,041	308.2	3,046	8.6	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.3	0.8%	1.1	41,028	155.8	1,634	8.1	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	59.8	5.1%	1.0	107,269	1417.0	6,148	9.3		18.2%	
TCB	Ngân hàng	38.6	1.9%	1.0	268,214	513.4	3,018	12.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.3	2.4%	1.2	49,801	383.4	2,423	7.8	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	62.4	0.7%	0.9	518,052	200.9	4,148	15.0	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.1	1.0%	0.9	67,740	168.4	2,218	9.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.9	-0.6%	1.0	246,745	581.7	2,193	14.2	35,600	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.3	0.5%	1.3	216,064	849.3	1,750	16.1	34,300	18.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.0	0.0%	1.3	11,799	47.0	751	25.3	23,800	8.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.4	0.6%	1.3	10,488	71.2	4,124	6.6	31,700	4.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.3	0.4%	1.2	117,119	260.7	1,861	43.5	92,700	24.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.1	3.5%	0.7	125,397	279.0	4,101	14.6	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.7	1.09%	1.4	9,030	16.1	2,216	18.6	22.2%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	126.3	-1.33%	0.9	21,799	43.1	3,163	40.5	30.5%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.9	-0.72%	1.3	41,050	9.1	3,278	16.9	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	23.3	-0.21%	1.5	15,062	313.1	211	110.2	6.0%	1.8%	
DXG	Bất động sản	20.9	0.72%	1.5	21,091	399.9	350	59.2	22.9%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	36.0	-0.96%	1.3	6,483	97.9	482	75.5	5.5%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.2	-0.46%	1.5	11,950	82.2	540	59.8	18.7%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	39.1	1.56%	1.4	14,611	32.2	3,977	9.7	15.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.2	-0.12%	1.4	15,480	57.3	1,709	23.5	44.4%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	55.5	0.54%	1.2	13,365	21.7	5,215	10.6	3.6%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.5	1.92%	1.1	6,093	20.6	1,978	17.1	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.9	3.39%	1.4	19,241	454.6	1,120	19.8	10.4%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	170.0	-2.80%	0.9	673,892	452.9	3,487	50.2	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	33.2	3.27%	0.9	72,941	389.2	1,937	16.6	16.9%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.2	-0.13%	1.4	8,300	8.4	1,701	23.1	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.2	-0.15%	1.0	43,454	23.9	1,661	20.6	15.8%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.8	-1.36%	1.3	12,257	84.5	1,428	15.4	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.3	-1.81%	1.4	12,457	74.9	1,348	26.7	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	34.5	0.88%	1.7	22,528	113.3	1,503	22.8	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.6	0.33%	1.1	145,742	12.9	5,002	12.1	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	0.35%	1.3	33,606	109.3	636	22.6	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.8	0.46%	0.8	35,479	15.2	4,417	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	128.0	-1.23%	0.9	76,673	216.1	3,427	37.8	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	0.90%	1.4	50,083	748.7	1,736	32.0	7.6%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.5	-2.06%	1.2	28,531	142.8	3,826	17.8	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.6	-0.37%	1.1	9,085	46.2	5,700	9.4	5.7%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	-0.83%	1.2	8,529	53.4	2,306	7.9	8.6%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.4	-1.83%	0.0	11,959	44.3	3,317	29.6	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.4	0.36%	1.2	28,080	39.4	6,115	13.6	48.9%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.7	0.34%	1.0	3,311	35.2	2,693	11.0	49.6%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.7	-1.01%	1.4	2,440	7.4	2,841	7.0	17.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	25.0	-0.40%	1.2	17,066	99.3	957	26.2	6.7%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.9	0.54%	1.3	110,800	19.3	1,331	20.8	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.3	1.15%	1.3	48,431	204.0	1,783	14.6	5.0%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	51.0	3.03%	0.5	147,870	203.9	3,324	14.9	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.8	0.68%	0.0	25,221	31.9	2,260	6.5	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.8	1.19%	1.0	33,688	114.5	1,130	11.2	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	0.28%	1.4	7,877	121.6	666	26.5	6.2%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.9	0.17%	1.5	7,681	210.3	1,871	15.4	3.5%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	0.29%	0.7	10,565	57.5	1,981	17.5	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.3	0.22%	0.7	57,972	18.2	3,185	14.2	58.3%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.1	-1.08%	1.2	12,502	90.4	6,444	8.6	20.5%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.2	0.56%	0.7	11,739	4.6	13,894	10.3	85.2%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.5	3.07%	1.4	7,922	35.1	4,565	17.1	47.6%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.6	-1.28%	1.3	9,803	19.0	4,930	17.4	5.8%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.6	0.11%	1.4	4,586	25.4	2,518	18.1	5.3%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	16.2	-0.92%	1.3	8,108	140.2	1,077	15.1	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.6	-0.20%	1.1	9,156	41.6	1,189	21.5	14.3%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.4	-1.08%	1.3	17,907	196.6	1,195	23.2	8.1%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	57.0	-0.18%	1.5	25,601	23.7	3,343	17.1	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>